

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HSPT
Ngày: 17/11/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Sáu;

Bà Lê Thị Hiệu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa -
Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 và ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 234/2021/HSPT ngày 24/9/2021, đối với bị cáo Lê Sỹ N do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HSST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện N.L, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo: Lê Sỹ N, sinh năm 1987, tại xã N.K, huyện N.L, tỉnh Thanh Hóa; trú tại: Khu phố 1 thị trấn N.L, huyện N.L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Sỹ H và bà: Lê Thị Hà (đều đã chết); có vợ là: Lê Thị Linh (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007 (ở với mẹ); tiền án: Bản án số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 của TAND huyện N.L xử 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 15/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND huyện N.L xử 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bản án số 16/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND huyện N.L xử 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; tạm giữ: 11/5/2021, tạm giam 20/5/2021 cho đến nay (phiên tòa ngày 16/11/2021 có mặt, phiên tòa ngày 17/11/2021 xin vắng mặt).

- Người bị hại không kháng cáo: Bà Lê Thị L, 1959 (vắng).

Địa chỉ: Thôn Q.T, xã T.Q, huyện N.L, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

1. Anh Lê Đình D, 1986 (vắng);

Địa chỉ: Khu phố C.T, thị trấn N.L huyện N.L, Thanh Hóa.

2. Bà Phạm Thị P, 1964 (vắng).

Địa chỉ: Khu phố C.T, thị trấn N.L, huyện N.L, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00, ngày 11/5/2021 Lê Sỹ N ra khu vực rừng keo, ở thôn Q.H, xã T.Q (nay là khu phố Q.H, thị trấn N.L) gặp Lê Đình D (Phèo), N rủ D đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng. D đồng ý và dùng xe mô tô biển kiểm soát 36M5- 8436 của mình chở N di chuyển về phía xã T.Q. Khi đến nhà bà Lê Thị L, sinh năm 1959 ở thôn Q.T, xã T.Q, huyện N.L, quan sát thấy nhà bà L không khóa cửa ngoài, không có ai ở nhà, N bảo D dừng xe lại đợi ở ngoài, còn N đi vào trong nhà để tìm đồ trộm cắp. Khi vào nhà bà L, N phát hiện bên hông nhà có chuồng gà nên đã đi lại bắt trộm 02 con gà mái đang nằm ấp trứng, N bỏ 02 con gà vào trong áo dưới bụng rồi chạy ra ngoài lên xe cùng D tẩu thoát. Khi đến khu vực Trường trung học cơ sở T.Q thì xe hết xăng, nên D cởi áo khoác ngoài ra, N bỏ 02 con gà vào 02 ống tay áo treo ở giá để xe, N dắt bộ xe, còn D đi bộ phía sau, khi đi được khoảng 200m thì bị Công an xã T.Q kiểm tra phát hiện lập biên bản vụ việc và đưa N về trụ sở Công an làm việc, còn D bỏ chạy thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 18/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện N.L: 02 con gà mái, gồm 01 con màu lông nâu vàng, trọng lượng 1,6 kg và 01 con màu lông xám, trọng lượng 1,3 kg có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 580.000đ.

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 chiếc áo khoác màu trắng, viền đen, trên cổ có gắn chữ “GUCCI” đã được chuyển đến chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.L, chờ xử lý.

- 02 con gà mái Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) công an huyện N.L đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Lê Thị L.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 36M5- 8436 quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là bà Phạm Thị P, sinh năm 1964, địa chỉ: khu phố C.T, thị trấn N.L, huyện N.L (là mẹ đẻ Lê Đình D), khi D lấy xe đi bà Phong không biết và cũng không biết việc D sử dụng tài sản của mình để làm phương tiện trộm cắp tài sản, nên Cơ quan CSĐT công an huyện N.L đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bị hại bà Lê Thị L đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 31/CT-VKSNL, ngày 14/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân (VLSND) huyện N.L truy tố Lê Sỹ N, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2021/HSST ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện N.L đã Quyết định:

Tuyên bố: Lê Sỹ N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Sỹ N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 11/5/2021.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và giành quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 03/QĐ-VKS-P7 kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung:

Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng áp dụng pháp luật, cụ thể: Bị cáo Lê Sỹ N có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” là tình tiết định tội theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo có 01 tiền án về tội: “Tàng trữ trái pháp chất ma túy” là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bản án sơ thẩm sử dụng dấu hiệu định tội để định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” xử bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là trái với mục 7 Nghị quyết 01/2006/HĐTP ngày 12/5/2006.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, VKSND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm của TAND huyện N.L trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa, thấy rằng:

Tại điểm a, tiểu mục 7.3, mục 7, Nghị quyết 01/2006/HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự có quy định như sau:

“7.3. Về tình tiết “đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”, cần phân biệt:

a. Trường hợp các tiền án của bị cáo đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm “đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” thì các tiền án đó không được tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo.

Ví dụ: D là người đã có hai tiền án đều về tội chiếm đoạt tài sản (có thể đều cùng về tội trộm cắp tài sản, có thể về tội trộm cắp tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Sau khi ra tù, chưa được xóa án tích D lại trộm cắp tài sản có giá trị dưới năm trăm ngàn đồng, thì trong trường hợp này hai tiền án về tội chiếm đoạt tài sản được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm “đã bị kết án về tội chiếm đoạt, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” để truy cứu trách nhiệm hình sự D theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự mà không được tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với D”.

Ngày 19/01/2017 và ngày 30/8/2018, bị cáo Lê Sỹ N đã hai lần bị TAND huyện N.L xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa xóa án tích), đến ngày 11/5/2021, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi bắt trộm 02 con gà mái của gia đình bà Lê Thị L (ở thôn Q.T, xã N.K, huyện N.L), trị giá tài sản trộm cắp 580.000đ (dưới 2.000.000đ).

Ngoài các tiền án về hành vi xâm phạm sở hữu, tại Bản án số 20/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND huyện N.L đã xử bị cáo 20 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Bản án này đã căn cứ Bản án số 02/2017/HSST ngày 19/01/2017 xác định tái phạm (theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự). Tuy nhiên, theo điểm a, tiểu mục 7.3, mục 7, Nghị quyết 01/2006/HĐTP ngày 12/5/2006 đã hướng dẫn nêu trên thì các tiền án về hành vi trộm cắp tài sản đã là dấu hiệu cấu thành tội phạm thì không xác định là tình tiết định khung tăng nặng.

Như vậy tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chỉ là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, theo đó hành vi trộm cắp tài sản lần này chỉ bị truy cứu, xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo; được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt (điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Từ các phân tích nêu trên, Tòa án sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự xử bị cáo 24 tháng tù là nặng, do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng luật và giảm cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Lê Sỹ N 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 11/5/2021.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng TCTTr&TĐKT;
- VKSND huyện N.L;
- TAND huyện N.L;
- CA huyện N.L;
- Chi cục THADS huyện N.L;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh